TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ H4 CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 93/2022/HS-PT
Ngày 27 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần H4 đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh.

Bà Phạm Thị Thuý Mai.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuỳ Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2022/TLPT - HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2022/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T1, xã D, Huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị L1; có chồng là: Nguyễn Văn L2 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, "có mặt".

2. Đỗ Văn Q, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn C, xã H, Huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Vương Thị Kim T2; có vợ là Nguyễn Thị M (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2021 đến ngày 23/02/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

3. Ngô Văn H1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn N1, xã T3, Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C1 và bà Lê Thị

S; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 16/2014/HSST ngày 18/03/2014 của Toà án nhân dân Huyện V xử phạt Ngô Văn H1 03 tháng tù và phạt bổ sung 3.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS; Bản án số 44/2014/HSPT ngày 30/5/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngô Văn H1. H1 đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/10/2014 và chấp hành hình phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm ngày 14/7/2014; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/11/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

4. Ngô Văn M1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn N1, xã T3, Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn P và bà Lê Thị M2; có vợ là: Dương Thị L1 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/11/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

5. Tô Văn H2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn H3 và bà Nguyễn Thị T4; có vợ là: Nguyễn Thanh T5 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2021 đến ngày 23/02/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

6. Nguyễn Văn H4, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn N1, xã T3, Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H5 (đã chết) và bà Lê Thị H6; có vợ là: Nguyễn Thị H7 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021, đến ngày 24/11/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

7. Lê Văn D, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn C2, xã N2, Huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T5 và bà Nguyễn Thị H8; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2021, đến ngày 23/02/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, "có mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L2 và vợ là Nguyễn Thị N làm nghề kinh doanh quán hát tại gia đình ở Thôn T1, xã D, Huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2019, Nguyễn Văn L2 đăng ký kinh doanh quán hát Karaoke ROYAL có địa chỉ tại Thôn T1, xã D, Huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, Nguyễn Văn L2 giao cho Nguyễn Thị N quản lý điều hành và kinh doanh quán hát. Nguyễn Thị N thuê Đỗ Văn Q làm quản lý của quán hát từ tháng 07 năm 2019 cho đến khi bị bắt giữ. Để có tiền chi tiêu cá nhân và kiếm thêm thu nhập, Nguyễn Thị N đã nảy sinh ý định cho khách sử dụng trái phép chất ma tuý khi hát tại quán. Theo đó, Nguyễn Thị N đã trao đổi với Đỗ Văn Q khi khách đến hát và có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy thì để cho khách hát sử dụng ma túy và tính tiền phòng hát 200.000đồng/giờ, trong đó 120.000đồng/giờ là phòng hát bình thường và sử dụng ma túy thêm tiền giờ là 80.000đồng/giờ. Ngoài ra, Nguyễn Thị N và Đỗ Văn Q không cung cấp ma túy, dụng cụ hay bất cứ vấn đề gì khác cho khách để sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 21/6/2021, Nguyễn Thị N thuê người cài đặt phần mềm tính tiền trên máy tính tại quầy hát và thống N3 ký hiệu trong phần mềm tính tiền ghi là "giờ đêm" (Phòng sử dụng ma tuý), ngoài ra, phần mềm này cũng được cài đặt trên điện thoại di động của N để N theo dõi hoạt động của quán hàng ngày, kể cả khi không có mặt tại quán.

Hồi 03 giờ 30 phút, ngày 17/7/2021, Công an Huyện T tiến hành kiểm tra hành chính tại quán Karaoke Royal tại Thôn T1, xã D. Tại thời điểm kiểm tra phát hiện tại quán hát do Nguyễn Thị N làm chủ và Đỗ Văn Q làm quản lý đang thực hiện hành vi chứa chấp 02 phòng sử dụng trái phép chất ma tuý, cụ thể:

Tại phòng hát số 02 tầng 02: Khoảng 18 giờ 00 ngày 16/7/2021, Ngô Văn H1, Ngô Văn M1 và Nguyễn Văn H4 cùng nhau uống bia tại quán bia Gia Bảo của gia đình anh Trần Văn T6, sinh năm 1990 ở Thôn N1, xã T3, H2ện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình uống bia, cả ba thống N3 góp tiền mua ma túy "Ketamine" rồi mang đến quán hát và gọi nhân viên của quán hát vào cùng sử dụng ma túy. Ngô Văn H1 có 700.000 đồng, Nguyễn Văn H4 có 500.000 đồng còn Ngô Văn M1 không có tiền nên bảo H1 ứng trước, mua ma tuý hết bao nhiêu tiền sẽ chia đều cho cả ba người và M1 sẽ trả sau. Tại quán bia, Ngô Văn H1 gặp và nhờ một người tên là T6 ở H2ện V, tỉnh Vĩnh Phúc (không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) mua hộ 1.100.000 đồng ma tuý "Ketamine", T6 đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày có một nam thanh niên (chưa xác định được tên, tuổi địa chỉ cụ thể) đi đến và ngồi cạnh bàn của H1 đưa cho H1 01 gói nhỏ ma túy loại "Ketamine", H1 nhận gói ma túy và đưa cho người thanh niên số tiền 1.100.000đồng. Sau đó, Ngô Văn M1, Ngô Văn H1 và Nguyễn Văn H4 tiếp tục uống bia đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì cùng nhau đi xe ô tô biển kiểm soát 88A - 120.90 của hãng Taxi Ngọc Lan do M1 điều khiển (M1 là lái xe taxi cho hãng Taxi Ngọc Lan) đến quán hát Karaoke ROYAL. Trên đường đi, M1 gọi điện cho Nguyễn Thị N - chủ quán hát ROYAL đặt một phòng hát cho 03 người, 03 nữ nhân viên phục

vụ, N đồng ý. Khi đến quán hát, H1, H4 và M1 gặp N và Nguyễn Văn M4 (M4 là cháu của N, M4 đến quán chơi và được N giao cho giúp Q dọn dẹp, bưng bê tại quán). Nguyễn Thị N hướng dẫn H1, H4 và M1 lên phòng hát số 02 tầng 02 và bố trí 03 nhân viên phục vụ gồm: Nông Thị T7, Lý Thị Y và Đặng Thị C4. Sau đó, M1 xuống gặp và hỏi N "cho bọn em nghe nhạc tý", ý là xin sử dụng ma túy, N hỏi: "bọn mày lại chơi à", M1 bảo: "vâng", N không nói gì. Sau khi hướng dẫn, bố trí phòng và nhân viên phục vụ cho khách tầng 02, N về nhà và có nhờ M4 trông hộ quán trong lúc Q ngủ.

Đối với khách tại phòng 02 tầng 02, khi lên phòng, H1 để gói ma túy trên mặt bàn, cạnh giỏ bánh kẹo trước mặt với mục đích để mọi người cùng sử dụng. Sau đó, tất cả ngồi uống bia cùng nhau được khoảng 30 phút thì H4 nói với các nhân viên nữ xuống quầy lấy 01 đĩa sứ và 01 chiếc thẻ nhựa nhưng không nhắc gì về việc sử dụng ma túy. Lý Thị Y xuống quầy bảo M4 "lấy cho khách mượn đĩa và thẻ", M4 nói "cứ đi lên tý M4 cầm cho". Sau đó, Y đi lên phòng, một lúc lâu không thấy M4 cầm đĩa và thẻ lên nên Y xuống hỏi M4, M4 chỉ chỗ để đĩa và thẻ cho Y. Lý Thị Y cầm đĩa và thẻ lên phòng và để trên mặt bàn. Do muốn sử dụng ma tuý cho bản thân nên T7 tự dùng bật lửa hơ nóng đáy đĩa sứ và cầm gói ma tuý để trên mặt bàn đổ ra đĩa, mục đích xào ma tuý sử dụng; Y nhìn thấy T7 đổ túi có chất bột màu trắng ra. Sau đó, Lý Thị Y có việc riêng nên ra về thì nhân viên Lò Thị D1 vào phục vụ thay cho Y. H1 đưa cho H4 tờ tiền 20.000đồng để H4 cuốn ông hút. Sau khi tự xào ma túy và tự sử dụng ma tuý một mình, T7 đặt đĩa sứ có ma túy ở bàn. Sau đó, H1, H4, M1, C4 và D1 không ai mời ai cũng tự đến lấy ma tuý sử dụng. Khoảng 02 giờ ngày 17/7/2021, Đỗ Văn Q ngủ dậy, biết việc khách hát tại phòng 02 sử dụng ma túy, Q gọi điện thoại thông báo cho Nguyễn Thị N việc khách hát tầng 02 sử dụng ma túy, N không ngăn cản mà còn bảo Q để cho khách tiếp tục sử dụng ma túy và tính tăng giá tiền phòng lên theo giá phòng "bay" với giá 200.000đồng/giờ. Khoảng 03 giờ cùng ngày, Công an H2ện T kiểm tra tại quán hát Royal phát hiện tại phòng hát số 02 tầng 02 có 06 đối tượng gồm: Ngô Văn H1, Ngô Văn M1, Nguyễn Văn H4, Nông Thị T7, Đặng Thị C4 và Lò Thị D1 (tên khai báo ban đầu là Hoàng Thị Trang) đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ trên mặt loa 01 đĩa sứ màu trắng, trên mặt có bám dính chất bột màu trắng nghi là ma tuý, 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng được cuộn thành ống hút, 01 thẻ nhựa màu cam có chữ HERMES PARIS, thu trên nền nhà 01 vỏ túi nilon màu trắng, tất cả đều được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu A1 theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phòng hát số 03 tầng 03: Khoảng 23 giờ ngày 16/7/2021, Tô Văn H2, Lê Văn D, Trần Văn B, Bùi Ngọc D2 cùng nhau uống bia tại quán bia Gia Bảo của gia đình anh Trần Văn T6, sinh năm 1990 ở Thôn N1, xã T3, Huyện V. Quá trình uống bia, H2 và D2 rủ mọi người đi hát Karaoke nên tất cả đồng ý. Sau đó,

Tô Văn H2 gọi điện cho Đỗ Văn Q là quản lý quán hát ROYAL, đặt phòng hát và yêu cầu nữ nhân viên phục vụ thì M4 nghe máy và nhận phòng (do Q đang ngủ, M4 cầm điện thoại của Q). Sau đó, D2, D và B đi xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, biển kiểm soát 88L1- 488.88 kẹp ba đến quán hát trước, còn Tô Văn H2 đi xe mô tô về quán Spa của vợ cH1 H2 ở xã Đ, Huyện V lấy gói nhỏ ma túy "Ketamine" mang đến quán hát sử dụng. Tô Văn H2 cầm gói nhỏ ma túy rồi gọi Lê Văn M3 lái xe taxi chở H2 đến quán hát. Khi đến nơi, H2 một mình vào quán hát còn Minh tiếp tục lái xe đi chở khách. Nhóm của H2 được M4 sắp xếp bố trí hát tại phòng hát số 03 tầng 03, với các nhân viên phục vụ gồm: Đặng Thị A, sinh ngày 01/10/2003; N4, sinh ngày 02/06/2004; Nguyễn Thị Tuyết V1, sinh năm 1994; Hà Thị L3, sinh năm 2000; Lô Thị C5, sinh năm 2002. Quá trình hát, Tô Văn H2 gọi M4 cầm 01 đĩa sứ và 01 thẻ, M4 cầm 01 đĩa sứ để trên bàn; Đặng Thị A cầm thẻ căn cước công dân mang tên Đặng Thị C4 vào phòng để ở bàn rồi về phòng nghỉ, không tiếp tục phục vụ (M4 và Đặng Thị A không biết H2 lấy đĩa và thẻ để làm gì). Sau khi có đĩa và thẻ, H2 dùng bật lửa hơ nóng đĩa sứ, cho ma túy "Ketamine" ra đĩa xào, đồng thời bảo D cuốn ống hút để sử dụng ma túy. D không mang tiền nên hỏi H2 có tiền lẻ không để cuốn ống hút, H2 bảo "không có, hỏi B xem có không", D hỏi B cũng không có nên H2 lấy tờ tiền 50.000đồng đưa cho D cuốn ống hút. Sau khi H2 xào ma túy xong, D đưa ống hút cho H2 sử dụng đầu tiên. Tiếp sau H2 là D sử dụng ma tuý thì thấy ma túy bị sống nên D lấy máy lửa hơ nóng một góc đĩa để H2 xào lại. Sau khi xào ma túy xong, D kẻ chia ma túy thành đường cho mọi người cùng sử dụng, trong đó xác định có H2, D, B, nhân viên L3 và N3 sử dụng ma túy còn lại D2, Châu và Vân không sử dụng ma túy. Khi D cùng các bạn đang hát thì H2 gọi điện cho Minh (lái xe taxi) đến hát và uống bia cùng H2 và mọi người. Tuy nhiên, khi đến thấy H2 và mọi người sử dụng ma túy nên Minh tự đến cầm đĩa sứ chứa ma túy rồi sử dụng. Việc sử dụng ma túy của H2, D, B và các nhân viên trong phòng thì Q là quản lý của quán hát biết và tự ý để mặc cho nhóm H2 sử dụng ma túy mà không ngăn cản, đồng thời ghi tính tiền phòng hát thành phòng bay với giá 200.000đồng/giờ trong mục hóa đơn bán hàng phần mềm quản lý tại quán hát. Quá trình kiểm tra, Công an H2ện T phát hiện tại phòng hát số 03 tầng 03 có 08 đối tượng gồm: Bùi Ngọc D2, Lê Văn M3, Trần Văn B, Lê Văn D, Nguyễn Thị Tuyết V1, Hà Thị L3, Lô Thị C5 và N4; thu giữ dưới nền phòng hát 01 đĩa sứ màu trắng trên mặt bám dính chất bột màu trắng nghi là ma tuý, 01 tờ tiền Polime mệnh giá 50.000 đồng được cuộn tròn thành ống hút, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đặng Thị C4, 01 túi nilon màu trắng, có viền kẻ ngang màu đỏ đều được niêm phong trong thùng cát tông ký hiệu A2.

Sau khi kiểm tra, phát hiện các đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý, Cơ quan CSĐT - Công an H2ện T tiến hành lấy mẫu nước tiểu của những đối tượng có mặt tại 02 phòng hát nêu trên, kết quả thu được 14 mẫu nước tiểu, được niêm phong theo đúng quy định.

Ngày 17/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an H2ện T đã ra Q định trưng cầu giám định số 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248 trưng cầu Phòng PC09 - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định về ma tuý đối với mẫu vật ký hiệu A1, A2 và các mẫu nước tiểu của những người nêu trên, kết quả cụ thể như sau:

Tại bản kết luận số: 1652/KLGĐ ngày 21/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"1. Chất bột màu trắng trên đĩa sứ của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0972g (không phảy không chín bảy hai gam, không kể bao bì) loại Ketamine.*

2. Chất bột màu trắng trên đĩa sứ của mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1784g (không phảy một bảy tám tư gam, không kể bao bì), loại Ketamine."

Tại bản kết luận số: 1689/KLGĐ ngày 23/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Ngô Văn M1 - SN: 1992, ở thôn Nội - Tân Tiến - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. MDMA là chất ma túy nằm ở STT 27, danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/05/2018 của chính phủ. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

Tại bản kết luận số: 1703/KLGĐ ngày 24/07/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Ngô Văn H1- SN: 1988, ở thôn Nội - Tân Tiến - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. MDMA là chất ma túy nằm ở STT 27, danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/05/2018 của chính phủ. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

Tại bản kết luận số: 1675/KLGĐ ngày 22/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Hoàng Thị Trang - SN: 2000, ở Noong Hẻo, Sìn Hồ, Lai Châu, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

Tại bản kết luận số: 1690/KLGĐ ngày 23/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Nông Thị T7 - SN: 2003, ở Lâm Giang, Văn Yên, Yên Bái, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. MDMA là chất ma túy nằm ở STT 27, danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ- CP*

ngày 15/05/2018 của chính phủ. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."

Tại bản kết luận số: 1691/KLGĐ ngày 23/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Nguyễn Văn H4 - SN: 1991 ở thôn Nội - Tân Tiến - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. MDMA là chất ma túy nằm ở STT 27, danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/05/2018 của chính phủ. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

Tại bản kết luận số: 1674/KLGĐ ngày 22/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Đặng Thị C4 - SN: 2004, ở Giáp Trung, Bắc Mê, Hà Giang, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. MDMA là chất ma túy nằm ở STT 27, danh mục I, Nghị định 73/2018 CP ngày 15/05/2018 của chính phủ. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

Tại bản kết luận số: 1676/KLGĐ ngày 22/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an.tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Bùi Ngọc D2 - SN: 1992, ở Đại Đồng - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

-Tại bản kết luận số: 1704/KLGĐ ngày 24/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Lê Văn M3 - SN: 1994, ở Đại Đồng - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

-Tại bản kết luận số: 1718/KLGĐ ngày 25/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Trần Văn B - SN: 1993, ở Chấn Hưng - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

-Tại bản kết luận số: 1719/KLGĐ ngày 25/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Lê Văn D - SN: 1992, ở Nghĩa Hưng - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định.*

Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."

-Tại bản kết luận số: 1728/KLGĐ ngày 26/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Nguyễn Thị Tuyết V1 - SN: 1994, ở Bình Đức, Châu Thành, Tiền Giang, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

-Tại bản kết luận số: 1729/KLGĐ ngày 26/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Tìm thấy Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của Hà Thị L3 - SN: 2000 ở Trung Sơn, Yên Lập, Phủ Thọ, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ."*

-Tại bản kết luận số: 1720/KLGĐ ngày 25/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:*"Không phát hiện thành phần chất ma túy (Morphine, MDMA, Methamphetamine, Delta-9-tetrahydrocanabinol và Ketamine) trong mẫu chất lỏng màu vàng ghi là mẫu nước tiểu của Lô Thị C5 - SN: 1999 ở Châu Bình - Quỳ Châu - Nghệ An được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định."*

- Tại Kết luận giám định số 1730/KLGĐ ngày 26/7/2021 kết luận:*"Tìm thấy Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng nhạt ghi là nước tiểu của N4 - SN: 2004 ở Giáp Trung - Bắc Mê - Hà Giang, được niêm phong trong chai nhựa gửi giám định. Ketamine là chất ma túy nằm ở STT 35, danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của chính phủ.".*

Ngày 04/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an H2ện T ra Q định trưng cầu giám định số 273 trưng cầu Phòng PC09 - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định về kỹ thuật số điện tử đối với mẫu 01 đầu thu dữ liệu camera nhãn hiệu DaHua màu đen. Tại Kết luận giám định số 1981/KLGĐ ngày 12/8/2021 kết luận:*"Trích xuất được dữ liệu tại mắt camera số 05 lưu trong đầu ghi camera nhãn hiệu Dahua gửi giám định, thời gian từ ngày 15/7/2021 đến ngày 17/7/2021 (theo thời gian cài đặt trong đầu ghi), thu được: 59 tệp tin video định dạng *.dav, tổng kích thước: 34.8 GB (37,446,734,848 bytes). Toàn bộ dữ liệu được sao lưu sang 02 USB nhãn hiệu SanDisk kèm theo."*

Ngày 27/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an H2ện T ra Q định trưng cầu giám định số 348 trưng cầu Phòng PC09 - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định về cây máy tính màu đen XA-10. Tại bản Kết luận giám định số 2664/KLGĐ ngày 13/10/2021 kết luận:*"Trích xuất được dữ liệu là "hóa đơn bán hàng" trong phần mềm bán hàng VNP Karaoke V7.0 được cài đặt trên mẫu*

vật gửi giám định. Tiến hành in toàn bộ dữ liệu thu được trên vào Bản in dữ liệu gồm 34 trang A4. Kèm theo kết luận giám định có: Bản in dữ liệu có chữ ký của giám định viên và dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc."

Ngày 25/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an H2ện T ra Q định trưng cầu giám định bổ sung số 23 trưng cầu Phòng PC09 - Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định về thời gian cài đặt phần mềm VNP Karaoke V7.0 trong cây máy tính màu đen XA-10. Tại bản kết luận giám định số: 3187/KLGĐ ngày 09/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *"Phần mềm VNP Karaoke V7.0 được cài đặt trong mẫu vật gửi giám định từ ngày 21/6/2021 (theo thời gian cài đặt trên cây máy tính gửi giám định, thời gian cài đặt trên cây máy tính tại thời điểm giám định được lấy tự động theo thời gian của hệ thống trên internet). Kèm theo kết luận giám định có bản in dữ liệu có chữ ký của giám định viên và dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc".*

Ngoài 02 lần bị kiểm tra phát hiện nêu trên, quá trình điều tra xác định, Nguyễn Thị N và Đỗ Văn Q khai nhận còn thực hiện chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy tại quán hát, thu lợi bất chính 1.945.200 đồng, cụ thể:

Ngày 15/7/2021, tại phòng hát số 03 của quán hát, Nguyễn Thị N và Đỗ Văn Q cho khách hát sử dụng trái phép chất ma tuý, thu lợi bất chính 587.600đồng. Hoá đơn bán hàng số 072.100.262 thể hiện tiền phòng hát là 354.000 đồng và thêm mục "Giờ đêm": 233.600 đồng, giờ vào từ 01 giờ 04 phút, giờ ra: 04 giờ 01 phút.

Ngày 16/7/2021, Q và N 02 lần cho khách tại các phòng sử dụng trái phép chất ma tuý, thu lợi bất chính số tiền 1.357.600đồng. Cụ thể: Tại phòng 03 của quán hát: giờ vào từ 10 giờ 15 phút; giờ ra 15 giờ 08 phút; Hoá đơn bán hàng số 072.100.279, thể hiện: tiền phòng hát 586.000đồng; và mục "Giờ đêm": 381.600 đồng. Tại phòng số 02: giờ vào từ 04 giờ 03 phút; giờ ra 06 giờ 00 phút; Hoá đơn bán hàng số 072.100.2276, tiền phòng hát là 234.000đồng và mục "giờ đêm" 156.000 đồng.

Đối với các lần chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy trong ngày 15/7/2021 và 16/7/2021 nêu trên, quá trình điều tra không xác định được khách sử dụng ma túy là những ai, ở đâu nên chưa đủ cơ sở để truy tố đối với Q và N về những lần chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy.

Trên cơ sở phần mềm bán hàng VNP Karaoke V7.0 thu giữ tại cây máy tính, cơ quan điều tra trưng cầu giám định và trích xuất các hoá đơn bán hàng của quán từ khi cài đặt phần mềm, xác định phần mềm được cài đặt từ 21/6/2021, tuy nhiên đến 15/7/2021 mới hoạt động. Trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2021 đến hết ngày 16/7/2021, Nguyễn Thị N và Đỗ Văn Q đã thu tiền

hát của khách đến sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát với tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.945.200 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Đối với 02 phòng (Phòng 02, 03) ngày 17/7/2021, chưa thanh toán tiền.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại địa phương, xác minh lý lịch các đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý tại quán hát, các đối tượng đều không phải là người nghiện hoặc nghi nghiện chất ma tuý tại địa phương.

Đối với Nguyễn Văn M4, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2005 (tính đến ngày 16/7/2021 là 15 tuổi 07 tháng 11 ngày tuổi). Quá trình điều tra xác định, ngày 16/7/2021, M4 được N nhờ trông hộ quán thay Q (N không nói gì về việc cho khách sử dụng trái phép chất ma tuý), biết khách sử dụng trái phép chất ma tuý tại phòng 02, 03 của quán hát, tuy nhiên M4 không can ngăn mà để mặc cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý, sau đó thông báo cho Q biết về việc có khách sử dụng ma tuý và tự bấm tích vào mục "giờ đêm" trong phần mềm tính tiền đối với phòng 02 tầng 02. Hành vi của M4 là đồng phạm với Nguyễn Thị N và Đỗ Văn Q về hành vi "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma tuý". Tuy nhiên, tính đến ngày thực hiện hành vi nêu trên, M4 mới 15 tuổi 07 tháng 11 ngày, căn cứ khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự thì Nguyễn Văn M4 không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi nêu trên của mình.

Đối với Nguyễn Văn L2, là người đứng tên trong giấy phép kinh doanh quán hát karaoke ROYAL, không tham gia quản lý, điều hành hoạt động của quán hát, không biết việc Nguyễn Thị N cho khách sử dụng trái phép chất ma tuý. Việc cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn L2 là đúng quy định. Tuy nhiên, theo Giấy phép kinh doanh, Nguyễn Văn L2 là người đứng tên chủ cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, lại không trực tiếp quản lý mà để quán hát hoạt động, vi phạm trong thời gian đang bị UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấm hoạt động do tình hình dịch bệnh COVID -19. Chủ tịch UBND H2ện T đã Q định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn L2 về hành vi: "Không thực hiện Q định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng đế phòng chống dịch bệnh Covid-19" quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, với mức phạt 20.000.000đồng. Đến nay, Lợi đã nộp phạt theo đúng quy định.

Đối với Bùi Ngọc D2 là khách hát tại phòng 03 tầng 03: Bản thân D2 không nghiện chất ma túy, tại phòng hát 03 tầng 03 D2 không sử dụng ma túy, không tham gia vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Mặc dù, kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy theo Kết luận giám định mẫu nước tiểu của D2, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra xác định D2 không tham gia sử dụng ma tuý cùng những người

khác. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Bùi Ngọc D2.

Đối với Lê Văn M3 và Trần Văn B: Bản thân Minh và B không nghiện chất ma túy, ngày 17/7/2021 Minh và B đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không tham gia gì việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Công an H2ện T đã Q định xử phạt vi phạm hành chính đối với Minh và B về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/ NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ với mức phạt 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), Minh và B đã chấp hành xong việc nộp tiền phạt.

Đối với Nông Thị T7: Quá trình điều tra xác định, T7 có hành vi tự xào ma túy và tự sử dụng trái phép chất ma túy phục vụ cho bản thân tại phòng hát số 2 tầng 2. Bản thân Nông Thị T7 không làm theo sự phân công của ai, không mời chào ai cùng sử dụng trái phép chất ma tuý, không tham gia gì vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý về hình sự. Công an H2ện T đã Q định xử phạt vi phạm hành chính đối với T7 về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/ NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ với mức phạt 350.000đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), hiện T7 đã chấp hành xong việc nộp phạt theo quy định.

Đối với Lý Thị Y: Quá trình điều tra xác định, Y là người lấy đĩa sứ và thẻ cho phòng hát 02, tuy nhiên Y chỉ làm theo yêu cầu của khách, không biết để làm gì (vì chưa sử dụng ma tuý bao giờ). Sau đó, Y có việc riêng nên ra về, không sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát, không biết các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Lý Thị Y.

Đối với Đặng Thị A: Quá trình điều tra xác định là người đã lấy thẻ căn cước công dân mang tên Đặng Thị C4 vào phòng số 03 để ở bàn, sau đó bị đau bụng và đi về phòng nằm nghỉ không phục vụ tại phòng hát nữa. Đặng Thị A không biết việc lấy thẻ căn cước để sử dụng trái phép chất ma túy và cũng không tham gia sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng hát nên không xem xét xử lý.

Đối với Lò Thị D1 (lúc bị bắt khai là Hoàng Thị Trang), Đặng Thị C4, N4 và Hà Thị L3: Bản thân D1, C4, N3 và L3 không nghiện chất ma túy, tuy nhiên ngày 17/7/2021, C4, N3 và L3 đã có hành vi sử dụng trái phép ma túy, cả bốn người này đều không tham gia gì vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý về hình sự. Công an H2ện T đã ra Q định xử phạt vi phạm hành chính đối với D1; C4; N3 và L3 về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/ NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ với mức phạt phạt 350.000đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với Nguyễn Thị Tuyết V1: Quá trình điều tra xác định không tham gia sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát số 3 tầng 3 ngày 17/7/2021. Tuy nhiên, xác định trước đó Vân đã sử dụng trái phép chất ma túy. Công an H2ện T đã Q định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị Tuyết V1 về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/ NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ với mức phạt phạt 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với người cho Tô Văn H2 ma tuý H2 khai do một người bạn ngoài xã H4 gọi là "Long con" cho H2 để sử dụng. Tuy nhiên H2 không biết rõ tên, địa chỉ cụ thể của người này nên chưa xác minh được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên là T6 và nam thanh niên mà H1 đã mua ma túy tại quán bia ở Vĩnh Tường: Theo H1 khai nhận quen biết T6 ngoài xã H4 và chỉ được giới thiệu người ở H2ện V, tỉnh Vĩnh Phúc mà không biết rõ tên, địa chỉ cụ thể của T6; còn về nam thanh niên bán ma túy cho H1 là do T6 gọi đến, H1 không quen biết nên chưa xác minh làm rõ được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và đề nghị xử lý sau.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Tô Văn H2, Ngô Văn H1, Ngô Văn M1 và Nguyễn Văn H4, Kết luận giám định ma túy thể hiện lượng ma túy còn lại lần lượt có khối lượng 0,0972g và 0,1784g, loại Ketamine, chưa đủ lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, không có căn cứ xác định lượng ma túy các đối tượng tàng trữ trước đó. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với H2, H1, H4 và M1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng quy định.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2022/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân H2ện T đã Q định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N và Đỗ Văn Q phạm tội: "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý"; Tô Văn H2, Ngô Văn H1, Ngô Văn M1, Nguyễn Văn H4 và Lê Văn D phạm tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s, n khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/7/2021 đến ngày 23/02/2022).

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

- Tô Văn H2 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/7/2021 đến ngày 23/02/2022)

- Ngô Văn H1 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/11/2021)

- Ngô Văn M1 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/11/2021)

- Nguyễn Văn H4 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/11/2021)

- Lê Văn D 07 (Bẩy) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 23/02/2022)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn Q định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24, 27 và 29 tháng 6 năm 2002, các bị cáo Đỗ Văn Q, Nguyễn Thị N, Ngô Văn M1, Tô Văn H2, Nguyễn Văn H4, Ngô Văn H1 và Lê Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, đề nghị H4 đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị N, giữ nguyên Q định về hình phạt của bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 05 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đỗ Văn Q, Tô Văn H2, Ngô Văn M1, Ngô Văn H1, Nguyễn Văn H4, Lê Văn D, sửa một phần Q định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo Q 06 (Sáu) năm tù; bị cáo H1 08 (Tám) năm tù; bị cáo H2 06 (Sáu) năm tù; bị cáo H4 06 (Sáu) năm tù; bị cáo M1 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù; bị cáo D 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, H4 đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải Q.

Bị cáo Nguyễn Thị N và Ngô Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, H4 đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo N và bị cáo H1.

[2] Về hành vi, Q định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó, các hành vi, Q định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, hợp pháp. Từ đó có đủ cơ sở để xác định: Trong ngày 17/7/2021, Nguyễn Thị N là chủ quán và Đỗ Văn Q là quản lý quán hát (làm công ăn lương) cho N đã 02 lần thực hiện hành vi "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý" cho nhiều đối tượng là khách đến hát tại quán hát thuộc quyền quản lý, điều hành của mình để thu lợi bất chính gồm phòng hát số 02 tầng 02 và phòng hát số 03 tầng 03 của quán hát thì bị kiểm tra, phát hiện.

Ngoài hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý nêu trên của chủ quán và quản lý quán hát karaoke ROYAL, quá trình điều tra xác định, trong ngày 17/7/2021, tại 02 phòng thuộc quán hát, các đối tượng Tô Văn H2; Ngô Văn H1; Ngô Văn M1; Nguyễn Văn H4 và Lê Văn D là khách của quán hát, đã thực hiện hành vi tổ chức cho nhiều đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý, trong đó có đối tượng nhân viên là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi, cụ thể:

Tại phòng hát số 02 tầng 02, Ngô Văn H1, Ngô Văn M1 và Nguyễn Văn H4 cùng nhau góp tiền mua ma tuý (cung cấp ma túy), thuê phòng hát và nhân viên phục vụ cùng sử dụng trái phép chất ma tuý gồm: Nông Thị T7, sinh ngày 11/11/2003 (17 tuổi 08 tháng 05 ngày); Đặng Thị C4, sinh năm 14/7/2004 (17 tuổi 02 ngày); Lò Thị D1, sinh ngày 21/9/2003, (17 tuổi 09 tháng 24 ngày).

Tại phòng hát số 03 tầng 03, Tô Văn H2 là người cung cấp ma tuý, chuẩn bị dụng cụ, bố trí địa điểm cùng Lê Văn D cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý với số lượng nhiều người gồm: Lê Văn M3, Trần Văn B, Lê Văn D, Hà Thị L3 và N4, sinh ngày 02/06/2004 (17 tuổi 01 tháng 15 ngày).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị N và Đỗ Văn Q phạm tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý*" theo điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự và xét xử bị cáo Tô Văn H2, Ngô Văn H1, Ngô Văn M1, Nguyễn Văn H4 và Lê Văn D phạm tội: "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, H4 đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã H4, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã H4, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh D, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã H4 làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung.

[4.1] Đối với các bị cáo phạm tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý*":

Trong vụ án này, Nguyễn Thị N là người quản lý, chỉ đạo toàn bộ hoạt động chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy tại quán hát, còn Đỗ Văn Q là người làm công ăn lương, được N thuê để quản lý, thực hiện việc sắp xếp, bố trí phòng, nhân viên, nhập máy và tính tiền. Do đó, bị cáo N giữ vai trò chính, còn bị cáo Q là đồng phạm giúp sức cho bị cáo N.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị N Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét một cách khách quan, toàn diện về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để từ đó áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 05 năm tù là có căn cứ và thể hiện sự khoan H1 của pháp luật. Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tích cực hợp tác với Công an H2ện Tam Đảo trong việc phát hiện và bắt quả tang 02 đối tượng có hành vi mua bán trái phép chất ma túy xảy ra vào ngày 29/9/2021 tại thị trấn Hợp Châu, H2ện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng H4 đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 05 năm tù là phù hợp với vị trí, vai trò và hành vi phạm tội của bị cáo nên không thể giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được nữa, mà cần thiết phải giữ nguyên mức hình phạt tù như Q định của bản án sơ thẩm và như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì mới có đủ thời gian vừa trừng trị, vừa giáo dục đối với bị cáo và mới đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo Đỗ Văn Q thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo N, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Đỗ Văn Q và Nguyễn Thị N giữ vai trò như nhau, từ đó xử phạt bị cáo 08 năm tù là xác định chưa đúng vị trí, vai trò của bị cáo. Quá trình điều tra bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó H4 đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để đảm bảo tính khoan H1, giáo dục và phân hóa tội phạm.

[4.2] Đối với các bị cáo phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý*":

Bị cáo H2, D, H1, M1, H4 tổ chức cho các đối tượng cùng sử dụng trái phép chất ma túy để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Cụ thể: Tại phòng hát số 02, tầng 02 của quan Kraoke Royal, Ngô Văn H1 là người giữ vai trò chính, là người trực tiếp liên lạc để mua ma túy, đặt địa điểm để sử dụng và cho các đối tượng khác sử dụng; Ngô Văn M1, Nguyễn Văn H4 cùng nhau góp tiền với Ngô Văn H1 để mua ma túy, thuê phòng hát và nhân viên phục vụ, cùng sử dụng trái phép chất ma túy nên đều là đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội; tại phòng hát số 03, tầng 02 Tô Văn H2 giữ vai trò chính, là người cung cấp ma tuý, chuẩn bị dụng cụ, bố trí địa điểm và xào M1 túy cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma tuý; Lê Văn D giữ vai trò đồng phạm giúp sức, trực tiếp kẻ, chia ma túy cho các đối tượng sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử bị cáo H1 08 năm 6 tháng tù, các bị cáo H2, H4 và M1 mỗi bị cáo 8 năm tù và bị cáo D mức án 7 năm 09 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm bị cáo H4 xuất trình Q định khen thưởng và Giấy khen do Chủ tịch UBND xã Ma Thì Hồ tặng do đã dũng cảm cứu người bị đuối nước trên sông Nậm Chim, xã Ma Thì Hồ nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H2 đã tích cực hợp tác với Công an xã Nghĩa Hưng, H2ện V, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc phát hiện và bắt quả tang đối tượng Trần Văn Hải có hành vi buôn bán hàng cấm (Pháo nổ) xảy ra vào ngày 21/12/2020 nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, H4 đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, do bị cáo H4 và H2 tại cấp phúc thẩm được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và Q định mức hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã H4

[5] Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N không được chấp nhận nên bị cáo N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn Q, Tô Văn H2, Ngô Văn M1, Ngô Văn H1, Nguyễn Văn H4, Lê Văn D được chấp nhận nên bị cáo Q, H2, M1, H1, H4 và D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N, giữ nguyên Q định của Bản án số 36/2022/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc về hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s, n, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 05 (Năm) năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày bắt đi thi hành án.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn Q, Tô Văn H2, Ngô Văn M1, Ngô Văn H1, Nguyễn Văn H4, Lê Văn D, sửa Bản án số 36/2022/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân H2ện T, tỉnh Vĩnh Phúc về hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Đỗ Văn Q 06 (Sáu) năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/7/2021 đến ngày 23/02/2022

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Ngô Văn H1 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/11/2021.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Tô Văn H2 06 (Sáu) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/7/2021 đến ngày 23/02/2022.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Văn M1 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/11/2021.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H4 06 (Sáu) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 24/11/2021.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn D 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù về tội

“Tổ chức sử dụng sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến ngày 23/02/2022.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Đỗ Văn Q, Tô Văn H2, Ngô Văn M1, Ngô Văn H1, Nguyễn Văn H4 và Lê Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND H2ện T;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc
- Công an H2ện T;
- TAND H2ện T;
- THADS H2ện T;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, HCTP, Toà HS.

TM. H4 ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà